TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA HANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2024/HS-ST
Ngày 27 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Minh Hoan
Ông Quan Văn Ngụ

- Thư ký phiên toà: Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án hình sự thụ lý số 13/2024/TLST-HS, ngày 24/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HS, ngày 15/8/2024 đối với bị cáo:

Đàng Thị Tr, sinh ngày 04/02/1980 tại huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn K, xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Đàng Văn T (đã chết) và bà Bàn Thị S, sinh năm 1946; chồng: Chưa có; con: Có 01 con, sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Sinh hoạt tại Chi bộ thôn K, xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 124 – QĐ/UBKTHU, ngày 29/7/2024 của Ủy ban Kiểm tra huyện ủy N, tỉnh Tuyên Quang.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (*có mặt*).

- *Bị hại:* Bưu điện huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo pháp luật: Bà Mai Thị Hoài H; chức vụ: Giám đốc (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bảo hiểm xã hội huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Lưu Th; chức vụ: Giám đốc.

2. Ông Bàn Văn C, sinh năm 1965.

3. Bà Triệu Thị H, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

4. Bà Bàn Minh Th, sinh năm 1980.

5. Bà Đàng Thị L, sinh năm 1979.

6. Bà Đặng Thị C, sinh năm 1966.

7. Chị Đặng Thị D, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

(*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có Đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/8/2019, Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang và Bưu điện tỉnh Tuyên Quang ký Hợp đồng số 01/2019-BHXH-BĐTQ đại lý thu Bảo hiểm xã hội (BHXH), Bảo hiểm y tế (BHYT) và cung ứng dịch vụ công; tiếp đó vào ngày 14/7/2021 ký Hợp đồng thu BHXH, BHYT số 113/2021/BHXHTQ-BĐTQ và đến ngày 29/6/2022, ký hợp đồng uỷ quyền thu BHXH, BHYT số 769/2022/BHXH-BĐ về uỷ quyền thu BHXH, BHYT. Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang và Bưu điện tỉnh Tuyên Quang triển khai việc thực hiện hợp đồng thu BHXH, BHYT trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó có huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Trong thời gian từ năm 2019 đến tháng 12/2023, Bưu điện huyện N ký với Đàng Thị Tr Hợp đồng có thời hạn làm Đại lý thu Bảo hiểm xã hội tự nguyện (BHXHTN), Bảo hiểm y tế hộ gia đình (BHYTHGĐ) tại địa bàn xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Tr được cung cấp các văn bản, tài liệu nghiệp vụ, biên lai thu tiền, biểu mẫu, tham dự các lớp tập huấn, đào tạo và được hưởng thù lao theo hợp đồng; Tr có trách nhiệm tuyên truyền, vận động người dân trên địa bàn xã X tham gia BHXHTN, BHYTHGĐ và thu tiền BHXHTN, BHYTHGĐ do người dân đóng (*có các hình thức đóng theo tháng, quý, 06 tháng, 01 năm/ lần*). Khi thu tiền Tr phải viết biên lai theo mẫu C45-BB do Bảo hiểm xã hội huyện N cấp cho Bưu điện huyện N (*Biên lai có 02 liên, đóng dấu của Bảo hiểm xã hội huyện N ở góc trên bên trái; Tr sẽ giữ liên 01 chuyển trả về Bưu điện huyện, chuyển liên 2 cho người đóng bảo hiểm*). Sau khi thu được tiền đóng bảo hiểm, trong vòng 01 ngày Tr có trách nhiệm nộp tiền về Bưu điện huyện N qua bộ phận kế toán để thực hiện việc đối chiếu và chuyển tiền vào tài khoản chuyên thu của BHXH huyện N. Trong thời gian làm Đại lý thu BHXHTN trên địa bàn xã X, huyện N, Tr đã lợi dụng quyền hạn được giao để chiếm đoạt tiền đóng BHXHTN bằng hình thức thu tiền BHXHTN của công dân nhưng không chuyển tiền thu BHXHTN cho Bưu điện huyện N để Bưu điện huyện N thực hiện chuyển tiền đến tài khoản chuyên thu của Bảo hiểm xã hội huyện N mà giữ lại sử dụng chi tiêu cá nhân. Tổng số tiền Đàng Thị Tr đã chiếm đoạt là **10.751.400 đồng** (*Mười triệu, bảy trăm năm mốt nghìn, bốn trăm đồng*), cụ thể:

(1). Đối với Bàn Văn C, sinh năm 1965 và Triệu Thị H, sinh năm 1965 (vợ Cát), cùng trú tại thôn P, xã X, huyện N: Giai đoạn từ tháng 5/2019 đến tháng 5/2022, Đàng Thị Tr thu 12 lần tiền đóng BHXHTN của Bàn Văn C và Triệu Thị H *(do C là người trực tiếp nộp tiền cho Tr, mức đóng và thời gian đóng của C và H như nhau)* theo phương thức tham gia đóng 03 tháng một lần. Trong đó có 03 lần Tr thu tiền của C và H nhưng không viết biên lai, không chuyển tiền đến Bưu điện huyện N, gồm:

- Lần 01: Tháng 8/2019, Đàng Thị Tr thu tiền BHXHTN 03 tháng của Bàn Văn C và Triệu Thị H *(từ tháng 8/2019 đến tháng 10/2019)*, tổng 03 tháng là 831.600 đồng/02 người. Lần thu tiền này Tr không viết biên lai, không nộp tiền về Bưu điện huyện N mà chiếm đoạt số tiền 831.600 đồng.

- **Lần 02**: Tháng 11/2019, thu tiền BHXHTN 03 tháng *(từ tháng 11/2019 đến tháng 01/2020)*, mức đóng là 138.600 đồng/tháng/người, tổng 03 tháng là 831.600 đồng/02 người. Lần thu tiền này Tr không viết biên lai, không nộp tiền về Bưu điện huyện N mà chiếm đoạt số tiền 831.600 đồng;

- **Lần 03**: Tháng 10/2021, thu tiền BHXHTN 03 tháng *(từ tháng 8/2021 đến tháng 10/2021),* mức đóng là 138.600 đồng/tháng, tổng 03 tháng là 831.600 đồng/02 người. Lần thu tiền này Tr không viết biên lai, không nộp tiền về Bưu điện huyện N mà chiếm đoạt số tiền 831.600 đồng.

Số tiền BHXHTN Trinh đã thu của Bàn Văn C và Triệu Thị H nhưng không chuyển cho Bưu điện huyện N là 2.494.800 đồng (trong đó của C là 1.247.400 đồng; của H là 1.247.400 đồng).

(2). Đối với Bàn Minh Th, sinh năm 1980, trú tại thôn K, xã X, huyện N: Giai đoạn từ tháng 9/2020 đến tháng 5/2023, Bàn Minh Th đóng 08 lần tiền BHXHTN; Th tham gia đóng theo phương thức 03 tháng một lần và 06 tháng một lần. Trong đó có 04 lần Tr thu tiền đóng BHXHTN của Th nhưng không chuyển tiền đến Bưu điện huyện N mà chiếm đoạt số tiền 4.098.600 đồng, gồm:

- **Lần 01**: Tháng 7/2021, thu tiền đóng BHXHTN 03 tháng (*từ tháng 6/2021 đến tháng 8/2021),* với số tiền 613.800 đồng. Lần thu này, Tr không viết biên lai thu tiền.

- **Lần 02**: Tháng 8/2021, thu tiền đóng BHXHTN 03 tháng (t*ừ tháng 9/2021 đến tháng 11/2021*), với số tiền 613.800 đồng. Lần thu này, Tr không viết biên lai thu tiền.

- **Lần 03:** Tháng 6/2022, thu tiền đóng BHXHTN 03 tháng (*từ tháng 6/2022 đến tháng 8/2022*), với số tiền 957.000 đồng. Tr có ghi Biên lai thu tiền số 0053105, lập ngày 24/12/2022.

- **Lần 04**: Tháng 12/2022, thu tiền đóng BHXHTN 06 tháng (từ tháng 12/2022 đến tháng 5/2023), với số tiền 1.914.000 đồng. Lần thu này, Tr có viết biên lai thu tiền và đưa liên 2 cho Th, tuy nhiên về sau Tr đã lấy lại biên lai vì lý do viết nhầm, sau đó Tr không cung cấp biên lai khác cho Th.

(3). Đối với Đàng Thị L, sinh năm 1979, trú tại thôn K, xã X, huyện N: Giai đoạn từ tháng 9/2021 đến tháng 5/2023, Đàng Thị Tr thu 03 lần tiền đóng BHXHTN của Đàng Thị L theo phương thức tham gia đóng 06 tháng một lần. Trong đó có 01 lần Tr thu tiền BHXHTN của L nhưng không chuyển cho Bưu điện huyện N mà chiếm đoạt, cụ thể: tháng 12/2022, thu tiền đóng BHXHTN 06

tháng *(từ tháng 12/2022 đến tháng 5/2023)*, mức đóng là 297.000 đồng/tháng, tổng là 1.782.000 đồng (*theo Biên lai thu tiền số 0053103, ghi ngày 22/12/2022*).

(4). Đối với Đặng Thị C, sinh năm 1966, trú tại thôn K, xã X, huyện N: Giai đoạn từ tháng 9/2021 đến tháng 10/2023, Đàng Thị Tr thu 04 lần tiền đóng BHXHTN của Đặng Thị C; C tham gia đóng theo phương thức 03 tháng một lần và 06 tháng một lần. Trong đó có 02 lần Tr thu tiền với tổng số là 1.485.000 đồng nhưng không chuyển tiền đến Bưu điện huyện N, gồm:

- Lần 01: Tháng 12/2022, thu tiền đóng BHXHTN 03 tháng (*từ tháng 12/2022 đến tháng 02/2023*), với số tiền là 891.000 đồng. Lần thu này, Tr không viết biên lai thu tiền;

- **Lần 02**: Tháng 3/2023, thu tiền đóng BHXHTN 06 tháng (từ tháng 3/2023 đến tháng 5/2023), Trinh chỉ chuyển tiền đến Bưu điện huyện N 01 tháng, với số tiền 297.000 đồng; 02 tháng còn lại tương ứng số tiền 594.000 đồng, Tr không chuyển tiền đến Bưu điện huyện N. Lần thu này, Tr không viết biên lai thu tiền;

***(*5).** Đối với Đặng Thị D, sinh năm 1991, trú tại thôn K, xã X, huyện N: Từ tháng 02/2023 đến tháng 5/2023, Đàng Thị Tr thu 02 lần tiền đóng BHXHTN của Đặng Thị D theo phương thức tham gia đóng 01 tháng một lần và 03 tháng một lần. Trong đó có 01 lần Tr thu tiền của D nhưng không chuyển về Bưu điện huyện N mà chiếm đoạt, cụ thể: Tháng 3/2023, Tr thu tiền BHXHTN 03 tháng *(từ tháng 3/2023 đến tháng 5/2023)* của D, mức đóng là 297.000 đồng/tháng, tổng 03 tháng là 891.000 đồng (*Biên lai thu tiền, số 0053152 ghi ngày 10/3/2023).*

Ngày 28/01/2024, Công an huyện N nhận được đơn tố giác ẩn danh, tố giác Đàng Thị Tr có hành vi chiếm đoạt tiền đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện của công dân nên đã tiến hành điều tra, làm rõ.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKSNH, ngày 22/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang đã truy tố bị cáo Đàng Thị Tr về tội "*Tham ô tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đàng Thị Tr theo tội danh, điều luật đã nêu trong Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đàng Thị Tr phạm tội "*Tham ô tài sản*".

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đàng Thị Tr từ 02 (*Hai*) năm đến 02 (*Hai*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 04 (*Bốn*) năm đến 05 (*Năm*) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đàng Thị Tr cho UBND cấp xã nơi bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn từ 02 (*Hai*) năm đến 03 (*Ba*) năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự: Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 25 Biên lai thu tiền do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bàn Văn C, Bàn Minh Th, Đàng Thị L, Đặng Thị C, Đặng Thị D giao nộp cho cơ quan điều tra; trả lại cho Bảo hiểm xã hội huyện N 10 tập Biên lai thu tiền do Bảo hiểm

xã hội huyện N giao nộp trong quá trình điều tra.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; đồng thời tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đàng Thị Tr khai nhận: Trong thời gian từ năm 2019 đến tháng 12/2023 bị cáo ký với Bưu điện huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang Hợp đồng có thời hạn làm Đại lý thu Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Bảo hiểm y tế hộ gia đình tại địa bàn xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị cáo được cung cấp các văn bản, tài liệu nghiệp vụ, Biên lai thu tiền, biểu mẫu, tham dự các lớp tập huấn, đào tạo và được hưởng thù lao theo hợp đồng; bị cáo có trách nhiệm tuyên truyền, vận động người dân trên địa bàn xã X tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế hộ gia đình và thu tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế hộ gia đình do người dân đóng theo các hình thức đóng theo tháng, theo quý, 06 tháng hoặc 01 năm/lần. Sau khi thu tiền đóng bảo hiểm của người dân, bị cáo là người có trách nhiệm quản lý số tiền đó và có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền bảo hiểm thu được cho Bưu điện N qua bộ phận kế toán để thực hiện việc đối chiếu và chuyển tiền vào tài khoản chuyên thu của Bảo hiểm xã hội huyện N. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, có một số lần bị cáo đã thu tiền đóng bảo hiểm của một số người dân nhưng không nộp tiền vào hệ thống thu bảo hiểm của Bưu điện N mà giữ lại để sử dụng chi tiêu cho mục đích cá nhân với tổng số tiền là 10.751.400đ *(Mười triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm đồng)*. Trong đó bị cáo chiếm đoạt của vợ chồng ông Bàn Văn C, bà Triệu Thị H tổng số tiền 2.494.800đ; chiếm đoạt của bà Bàn Minh Th tổng số tiền 4.098.600đ; chiếm đoạt của bà Đặng Thị C 1.485.000đ; chiếm đoạt của bà Đàng Thị L 1.782.000đ; chiếm đoạt của chị Đặng Thị D 891.000đ. Sau khi sự việc bị phát hiện bị cáo đã chủ động trả lại toàn bộ số tiền bảo hiểm mình đã chiếm đoạt cho những người trên để khắc phục hậu quả. Ngoài ra, do tính toán sai nên bị cáo đã trả thừa cho bà Bàn Minh Th số tiền 404.400đ; trả thừa cho vợ chồng ông Bàn Văn C, bà Triệu Thị H tổng số tiền 5.040.000, tuy nhiên bị cáo không yêu cầu bà Bàn Minh Th, ông Bàn Văn C, bà Triệu Thị H phải hoàn trả lại số tiền bị cáo đã trả thừa. Trình bày Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình.

Quá trình điều tra và trong Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, đại diện bị hại – Bưu điện huyện N, tỉnh Tuyên Quang trình bày: Căn cứ Hợp đồng giữa Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang và Bưu điện tỉnh Tuyên Quang về việc ủy quyền thu Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Từ năm 2019 đến năm 2023, Bưu điện huyện N đã ký hợp đồng đại lý thu Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Bảo hiểm Y tế hộ gia đình với bị cáo Đàng Thị Tr để thu tiền Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Bảo hiểm Y tế hộ gia đình trên địa bàn xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Theo nội dung Hợp đồng, bị cáo Đàng Thị Tr được ủy quyền thu tiền bảo hiểm xã hội tự nguyện, Bảo hiểm y tế hộ gia đình của các cá nhân trên địa bàn xã X và được Bưu điện huyện N chi trả tiền hoa hồng. Sau khi thu tiền bảo hiểm của các cá nhân, bị cáo Tr có

trách nhiệm quản lý, sau đó chuyển toàn bộ tiền về bộ phận Kế toán của Bưu điện N để chuyển tiền vào hệ thống chuyên thu của Bảo hiểm xã hội. Quá trình thực hiện hợp đồng, trong một số lần thu tiền bảo hiểm của ông Bàn Văn C, bà Triệu Thị H, bà Bàn Minh Th, bà Đặng Thị C, bà Đàng Thị L và chị Đặng Thị D, bị cáo Đàng Thị Tr đã không nộp vào hệ thống theo quy định mà chiếm đoạt số tiền đó để sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân, gây thiệt hại đến quyền lợi của người dân đóng bảo hiểm và ảnh hưởng đến uy tín của ngành Bưu điện. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Tr đã bồi thường cho những người đóng báo hiểm số tiền mình đã chiếm đoạt. Bưu điện N mặc dù bị ảnh hưởng về uy tín nhưng không có thiệt hại về vật chất cụ thể nên không yêu cầu bị cáo Đàng Thị Tr phải bồi thường gì. Về hành vi của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và trong Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bảo hiểm xã hội huyện N, tỉnh Tuyên Quang trình bày: Căn cứ Hợp đồng giữa Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang và Bưu điện tỉnh Tuyên Quang về việc ủy quyền thu Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Bảo hiểm xã hội huyện N ủy quyền cho Bưu điện huyện N tiến hành làm hợp đồng Đại lý thu Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Bảo hiểm Y tế hộ gia đình tại địa bàn các huyện N và B. Từ năm 2019 đến năm 2023, việc thu tiền bảo hiểm xã hội tự nguyện và Bảo hiểm Y tế hộ gia đình trên địa bàn xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang được Bưu điện huyện N ký hợp đồng và giao cho bị cáo Đàng Thị Tr thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, trong một số lần thu tiền bảo hiểm của ông Bàn Văn C, bà Triệu Thị H, bà Bàn Minh Th, bà Đặng Thị C, bà Đàng Thị L và chị Đặng Thị D, bị cáo Đàng Thị Tr đã không nộp vào hệ thống theo quy định mà chiếm đoạt số tiền đó để sử dụng cho mục đích chi tiêu cá nhân, gây thiệt hại đến quyền lợi của người dân đóng bảo hiểm và ảnh hưởng đến uy tín của ngành Bảo hiểm. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Tr đã bồi thường cho những người đóng báo hiểm số tiền mình đã chiếm đoạt. Bảo hiểm xã hội huyện N chỉ bị ảnh hưởng về uy tín, không có thiệt hại về vật chất cụ thể nên không yêu cầu bị cáo Đàng Thị Tr phải bồi thường gì.

Quá trình điều tra và trong Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bàn Văn C, bà Triệu Thị H, bà Bàn Minh Th, bà Đặng Thị C, bà Đàng Thị L và chị Đặng Thị D trình bày: Qua vận động của nhân viên Bưu điện huyện N, nhận thấy được lợi ích từ việc đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện nên ông Bàn Văn C, bà Triệu Thị H, bà Bàn Minh Th, bà Đặng Thị C, bà Đàng Thị L, chị Đặng Thị D đã nộp tiền Bảo hiểm xã hội tự nguyện cho bị cáo Đàng Thị Tr nhiều lần. Trong đó có một số lần bị cáo Tr không nộp tiền đóng bảo hiểm vào hệ thống chuyên thu bảo hiểm theo quy định mà chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân, gây thiệt hại về quyền lợi cho người đóng bảo hiểm. Sau khi sự việc bị phát hiện, ông Bàn Văn C, bà Triệu Thị H, bà Bàn Minh Th, bà Đặng Thị C, bà Đàng Thị L, chị Đặng Thị D đã được bị cáo Đàng Thị Tr hoàn trả đầy đủ số tiền mình đóng bảo hiểm bị bị cáo Tr chiếm đoạt nên không yêu cầu bị cáo Đàng Thị Tr phải bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc xem xét hành vi của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đàng Thị Tr đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung mà bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang đã truy tố đối với bị cáo. Ngoài lời khai nhận của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo Đàng Thị Tr còn được chứng minh bằng các Hợp đồng đại lý thu Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Bảo hiểm Y tế hộ gia đình giữa Bưu điện huyện N và Đàng Thị Tr; bản ghi đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện do Bảo hiểm xã hội huyện N lập; lời khai bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ, do đó có đủ cơ sở xác định:

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến 2023, Đàng Thị Tr đã ký Hợp đồng làm Đại lý thu Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Bảo hiểm Y tế hộ gia đình tại địa bàn xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang với Bưu điện huyện N; Đàng Thị Tr đã lợi dụng quyền hạn được giao để chiếm đoạt tiền đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện bằng hình thức thu tiền Bảo hiểm xã hội tự nguyện của người dân nhưng không chuyển tiền thu Bảo hiểm xã hội tự nguyện cho Bưu điện huyện N mà giữ lại sử dụng chi tiêu cá nhân. Tổng số tiền Đàng Thị Tr đã chiếm đoạt là 10.751.400 đồng *(Mười triệu, bảy trăm năm mươi mốt nghìn, bốn trăm đồng),* trong đó:

- Lần 01: Tháng 8/2019, chiếm đoạt số tiền 831.600 đồng (*do ông Bàn Văn C và bà Triệu Thị H đóng);*
- Lần 02: Tháng 11/2019, chiếm đoạt số tiền 831.600 đồng (*do ông Bàn Văn C và bà Triệu Thị H đóng);*
- Lần 03: Tháng 7/2021, chiếm đoạt số tiền 613.800 đồng (*do bà Bàn Minh Th đóng);*
- Lần 04: Tháng 8/2021, chiếm đoạt số tiền 613.800 đồng (*do bà Bàn Minh Th đóng);*
- Lần 05: Tháng 10/2021, chiếm đoạt số tiền 831.600 đồng (*do ông Bàn Văn C và bà Triệu Thị H đóng);*
- Lần 06: Tháng 6/2022, chiếm đoạt số tiền 957.000 đồng (*do bà Bàn Minh Th đóng);*
- Lần 07: Tháng 12/2022, chiếm đoạt số tiền 4.587.000 đồng (*do bà Bàn Minh Th đóng 1.914.000 đồng; bà Đàng Thị L đóng 1.782.000 đồng; bà Đặng Thị C đóng 891.000 đồng);*
- Lần 08: Tháng 3/2023, chiếm đoạt số tiền 1.485.000 đồng (*do bà Đặng Thị C đóng 594.000 đồng và chị Đặng Thị D đóng 891.000 đồng).*

Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, vi phạm pháp luật hình sự. Lợi dụng quyền hạn được giao trong việc thu tiền đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện của người dân thông qua Hợp đồng Đại lý thu với Bưu điện huyện N, bị cáo đã thực hiện việc thu tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện của một số người dân nhưng không nộp tiền thu được vào hệ thống chuyên thu bảo hiểm theo quy định mà chiếm đoạt của ông Bàn Văn C, bà Triệu Thị H, bà Bàn

Minh Th, bà Đặng Thị C, bà Đàng Thị L và chị Đặng Thị D tổng số tiền 10.751.400 đồng *(Mười triệu, bảy trăm năm mươi mốt nghìn, bốn trăm đồng)* để sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoạt động đúng đắn của ngành Bảo hiểm xã hội và ngành Bưu điện, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, trật tự an toàn xã hội. Do vậy, việc Viện kiểm sát nhân huyện Na Hang truy tố bị cáo về tội "*Tham ô tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, nên cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình để răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[2] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi sự việc xảy ra đã tự nguyện hoàn trả lại toàn bộ số tiền đóng bảo hiểm đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả. Ông bà nội bị cáo (ông Đàng Văn L, bà Triệu Thị M), là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương độc lập Hạng Ba. Bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên trình độ nhận thức pháp luật một phần còn bị hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng đối với bị cáo để quyết định mức án cho phù hợp.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam mà xử cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách nhằm giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, phát triển lành mạnh, trở thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội nên cần cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ, quyền hạn có thời hạn để ngăn ngừa bị cáo tiếp tục phạm tội.

Ngoài ra, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định hiện tại bị cáo đang làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản gì riêng có giá trị, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Quá trình điều tra, truy tố các Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm do luật định. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục được thể hiện thông qua việc ghi chép, lập biên bản các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc xét hỏi, tranh tụng đúng quy định tại các Điều 289, 306, 315, 320, 321, 322 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Về vật chứng:

Quá trình điều tra cơ quan Điều tra đã thu giữ tổng cộng 25 Biên lai thu tiền do ông Bàn Văn C, bà Bàn Minh Th, bà Đặng Thị C, bà Đàng Thị L và chị Đặng Thị D giao nộp, hiện tại đang lưu trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, các Biên lai thu tiền trên là Biên lai bị cáo Đàng Thị Tr giao cho ông Bàn Văn C, bà Triệu Thị H, bà Bàn Minh Th, bà Đặng Thị C, bà Đàng Thị L và chị Đặng Thị D khi thu tiền đóng bảo hiểm, những người giao nộp cũng không yêu cầu được trả lại nên cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, quá trình điều tra, Bảo hiểm xã hội huyện N còn giao nộp cho cơ quan điều tra 10 tập Biên lai thu tiền. Đây là các tài liệu liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của ngành Bảo hiểm nên cần tuyên trả lại cho Bảo hiểm xã hội huyện N để lưu kho, phục vụ cho hoạt động chuyên môn là phù hợp.

[5] Về phần dân sự:

Quá trình điều tra và trong Đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện theo pháp luật của bị hại Bưu điện huyện N và đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội huyện N không yêu cầu bị cáo Đàng Thị Tr phải bồi thường về dân sự, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Đàng Thị Tr đã chủ động hoàn trả cho ông Bàn Văn C, bà Triệu Thị H, bà Bàn Minh Th, bà Đặng Thị C, bà Đàng Thị L và chị Đặng Thị D toàn bộ số tiền đóng bảo hiểm bị cáo đã chiếm đoạt. Quá trình điều tra và trong Đơn xin xét xử vắng mặt ông Bàn Văn C, bà Triệu Thị H, bà Bàn Minh Th, bà Đặng Thị C, bà Đàng Thị L, chị Đặng Thị D không yêu cầu bị cáo Đàng Thị Tr phải bồi thường gì thêm. Ngoài ra, bị cáo Trinh còn trả thừa cho bà Bàn Minh Th số tiền 404.400đ; trả thừa cho vợ chồng ông Bàn Văn C, bà Triệu Thị H tổng số tiền 5.040.000đ. Tuy nhiên bị cáo không yêu cầu bà Bàn Minh Th, ông Bàn Văn C, bà Triệu Thị H phải hoàn trả lại số tiền bị cáo đã trả thừa, do đó Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo Đàng Thị Tr phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với nhân viên Kế toán của Bưu điện huyện N và chuyên viên chuyên quản thu Bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội huyện N, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao đã không kiểm tra, đối chiếu Biên lai thu tiền thực tế do Đàng Thị Tr chuyển trả với dữ liệu trên phần mềm quản lý nên không phát hiện vi phạm của Đàng Thị Tr. Tuy nhiên hành vi trên không cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- *Tuyên bố:* Bị cáo Đàng Thị Tr phạm tội "*Tham ô tài sản*".

***1**. Về hình phạt:*

- Xử phạt bị cáo Đàng Thị Tr **02** (*Hai*) năm **03** (*Ba*) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **04** (*Bốn*) năm **06** (*Sáu*) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/8/2024). Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ, quyền hạn nhất định trong thời hạn 02 (*Hai*) năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Đàng Thị Tr cho Uỷ ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

***2**. Về vật chứng:*

- Tịch thu, lưu hồ sơ vụ án 25 Biên lai thu tiền do ông Bàn Văn C, bà Bàn Minh Th, bà Đàng Thị L, bà Đặng Thị C, chị Đặng Thị D giao nộp, gồm: Số 0001600, lập ngày 15/7/2020; số 0055534, lập ngày 28/01/2021; số 0055573, lập ngày 21/5/2021; số 0055572, lập ngày 21/5/2021; số 0094361, lập tháng 8/2021; số 0094352, lập tháng 8/2021; số 0127045, lập ngày 19/11/2021; số 0127079, lập ngày 10/3/2022; số 0055533, lập ngày 28/01/2021; số 0127080, lập ngày 10/3/2022; số 0127046, lập ngày 19/11/2021; số 0094351, lập tháng 8/2021; số 0094360, lập tháng 8/2021; số 0001593, lập ngày 16/9/2020; số 0055575, lập ngày 26/5/2021; số 0031670, lập ngày 24/6/2021; số 0127074, lập ngày 23/02/2022; số 0053105, lập ngày 24/12/2022; số 0127020, lập tháng 9/2021; số 0127073, lập ngày 21/02/2022; số 0053103, lập ngày 22/12/2022; số 0053141, lập ngày 21/02/2023; số 0053152, lập ngày 10/3/2023; số 0093547, lập ngày 25/9/2021; số 0076023, lập ngày 23/8/2023.

- Trả lại cho Bảo hiểm xã hội huyện N 10 tập Biên lai thu tiền (hiện đang lưu kèm theo hồ sơ vụ án). Tình trạng các tập Biên lai thu tiền như trong Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 21/3/2024 giữa Bảo hiểm xã hội huyện N và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N.

***3**. Về án phí và quyền kháng cáo:*

- Bị cáo Đàng Thị Tr phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Đàng Thị Tr được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đại diện theo pháp luật của bị hại, Bưu điện huyện N được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội huyện N và ông Bàn Văn C, bà Triệu Thị H, bà Bàn Minh Th, bà Đặng Thị C, bà Đàng Thị L, chị Đặng Thị D được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Công an huyện Na Hang;
- UBND xã X;
- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- Lưu HSVA, HSTHAHS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San